TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 210/2017/DS-PT
Ngày 05 - 9 - 2017
V/v tranh chấp về dân sự - Quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Trọng Đức, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 31/8/2017 và ngày 05/9/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp "V/v Tranh chấp về dân sự – Tranh chấp quyền sử dụng đất"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Văn B, sinh năm 1945 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 439, tổ 1, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Văn D, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà 148A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1952.

2. NLQ2, sinh năm 1980.

3. NLQ3, sinh năm 1982.

4. NLQ4, sinh năm 1985.

5. NLQ5, sinh năm 1977.

6. NLQ6, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: số nhà 439, tổ 1, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hận, anh Tuấn, anh Thanh, anh Công, chị Uyên, chị Giàu: ông Phan Văn B, sinh năm 1945 (Văn bản ủy quyền vào ngày 04/10/2016) có mặt.

7. NLQ7, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 4D/2443, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. NLQ8 (P), sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 148, tổ 2, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

9. NLQ9, sinh năm 1996 (vắng mặt).

10. NLQ10, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà 148A, ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: anh Lê Văn D là bị đơn; anh NLQ7 và anh NLQ8 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2016 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 04/10/2016 của ông Phan Văn B, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông B trình bày:

Vào ngày 30/4/1998, ông Phan Văn B có nhận chuyển nhượng của ông Lê Văn E là cha của anh Lê Văn D toàn bộ thửa đất số 336, tờ bản đồ số 1, diện tích được cấp trên giấy là 913m^2 đất (ĐRM) với giá là 6.500.000 đồng. Lúc chuyển nhượng đất giữa ông B và ông E có làm giấy tay và có con ông E là anh NLQ7, anh NLQ8 cùng ký tên vào tờ biên nhận. Sau khi chuyển nhượng đến ngày 25/11/1998 địa chính xã M có đến đo đạc và làm thủ tục sang tên cho ông B đứng tên toàn bộ thửa đất số 336, tờ bản đồ số 1, diện tích được cấp là 913m^2. Tại tờ biên nhận sang nhượng đất ngày 30/4/1998, ông B

và ông E có thỏa thuận: sau khi sang chuyển nhượng đất, ông B cho ông E lấy đất dưới mương (Mương giáp lộ) 02 năm tức là đến năm 2000 thì ông E trả phần diện tích mương lại cho ông B sử dụng. Đến năm 2011, ông B kê khai đăng ký cấp đổi quyền sử dụng đất thửa đất số 336, tờ bản đồ số 1 thành thửa 22, tờ bản đồ số 9, diện tích được cấp là 960,4m^2 đất trồng cây lâu năm khác. Đến khoảng tháng 04/2014, ông B cắm trụ đá làm hàng rào thì anh D ngăn cản không cho. Anh D cho rằng diện tích 157m^2 theo như đo đạc của Tòa án (diện tích tranh chấp) thuộc một phần của thửa đất số 22 tờ bản đồ số 9 thuộc quyền sử dụng của anh D.

Đối với phần đất đang tranh chấp diện tích 157m^2 sau khi ông B chuyển nhượng, ông B sử dụng nước tưới tiêu cho hoa màu, cây trái. Ông B còn nạo vét con mương nhiều lần. Trên phần đất tranh chấp, anh NLQ7 tự ý trồng 02 cây cồng đường kính 50cm, 02 cây xoài loại C, 01 cây vừng đường kính 10cm, 01 cây vừng đường kính 25cm, 01 cây bạch đàn đường kính 10cm; ông B có trồng 05 cây dừa loại B.

Nay ông Phan Văn B yêu cầu hộ gia đình anh Lê Văn D; anh NLQ8, anh NLQ7, anh NLQ9, chị NLQ10 đốn và di dời 02 cây cồng, 02 cây xoài, 02 cây vừng và 01 cây bạch đàn để trả lại cho ông B diện tích 157m^2 trồng cây lâu năm theo như đo đạc của Tòa án.

* Tại Tờ tường trình ngày 21/7/2016, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, anh Lê Văn D trình bày:

Vào ngày 30/4/1998, cha anh D là ông Lê Văn E có chuyển nhượng cho ông Phan Văn B thửa đất 336, tờ bản đồ số 1, diện tích đất theo quyền sử dụng đất được cấp là 913m^2. Khi chuyển nhượng đất, ông B và ông E có làm giấy tay "Tờ biên nhận" có anh NLQ7 là anh của anh D và anh NLQ8 là em của anh D cùng ký tên vào tờ biên nhận. Tuy nhiên, lúc chuyển nhượng đất, ông E chỉ chuyển nhượng cho ông B diện tích 913m^2, còn phần diện tích 157m^2 (diện tích tranh chấp) không chuyển nhượng cho ông B mà ông E để lại cho hộ ông E sử dụng tưới tiêu và tắm giặt. Từ khoảng năm 2011 đến nay, hộ anh D và anh NLQ8 không còn sử dụng mương này nữa vì con mương này đã bồi lắp. Phần đất ông E chuyển nhượng cho ông B diện tích đất 913m^2 nói trên. Sau khi chuyển nhượng đất, ông B đã cắm trụ đá và hiện nay trụ đá vẫn còn.

Nay ông B cho rằng phần mương tranh chấp của ông B là không đúng. Tuy nhiên, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Văn E và ông Phan Văn B.

Anh Lê Văn D yêu cầu ông Phan Văn B trả lại cho anh D diện tích 157m^2 nói trên theo như đo đạc của Tòa án.

* Anh NLQ7 và anh NLQ8 cùng trình bày: Trước đây ngày 30/4/1998, cha anh NLQ7 và anh NLQ8 là ông Lê Văn E có ký giấy chuyển nhượng cho ông Phan Văn B thửa đất 336, tờ bản đồ số 1 (Nay là thửa đất số 22, tờ bản đồ số 9), diện tích theo quyền sử dụng đất được cấp là 913m^2. Lúc chuyển nhượng đất giữa ông B và ông E có làm giấy tay "Tờ biên nhận" có anh NLQ7 và anh NLQ8 cùng ký tên chuyển nhượng. Tuy nhiên, lúc chuyển nhượng đất, ông E chỉ chuyển nhượng diện tích 913m^2, còn phần diện tích mương giáp với lộ theo như đo đạc của Tòa án là 157m^2 không chuyển nhượng cho ông B mà để lại cho hộ ông E sử dụng sinh hoạt (tắm, giặt…). Từ khoảng năm 2011 đến nay, hộ anh D và anh Trường không còn sử dụng mương này nữa vì con mương này đã bồi lắp không còn sử dụng nước được. Trên diện tích đất 157m^2 tranh chấp nói trên, anh NLQ7 có trồng 02 cây cồng, 02 cây xoài loại C, 02 cây vừng, 01 cây bạch đàn (các loại cây trồng này, anh Mỹ trồng cách nay khoảng mười mấy năm).

Nay anh NLQ7 và anh NLQ8 không đồng ý trả lại cho ông B diện tích đất 157m^2 theo yêu cầu của ông B.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 20/2017/DS – ST, ngày 16/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của hộ ông Phan Văn B.

- Buộc anh Lê Văn D, NLQ9, NLQ10 và anh NLQ8, anh NLQ7 đốn và di dời 02 cây cồng, 02 cây xoài, 02 cây vừng và 01 cây bạch đàn để trả lại cho hộ ông Phan Văn B diện tích 157m^2 (M1 M2 M3 M4) đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa 22 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại ấp A, xã M, huyện L, Đồng Tháp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD.685447 cấp ngày 04/4/2011 do hộ ông Phan Văn B đứng tên.

Tứ cận diện tích 157m^2 (M1 M2 M3 M4) như sau:

+ Ngang hướng Bắc giáp lộ đal.

+ Ngang hướng Nam giáp với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 còn lại của ông Phan Văn B.

+ Dài hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C.

+ Dài hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn N.

Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện L vào ngày 20/9/2016 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L ngày 26/9/2016 kèm theo)

- Về án phí: Buộc anh Lê Văn D, anh NLQ9, NLQ10 và anh NLQ8, anh NLQ7 liên đới trách nhiệm nộp 589.0000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn B được nhận lại 216.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 11286, ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- *Về lệ phí:*

Ông Phan Văn B tự nguyện gánh chịu toàn bộ tiền đo đạc, thẩm định và định giá là 2.634.000 đồng, số tiền 2.634.000 đồng này ông B đã tạm nộp chi xong nên không phải nộp thêm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2017, anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 kháng cáo bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 kháng cáo yêu cầu được sử dụng diện tích đất 157m^2 mà hiện nay ông Phan Văn B đang tranh chấp với các anh.

Qua chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa cho thấy:

[1] Ông Lê Văn E là cha ruột của anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8. Ông E được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày

02/11/1998 tại hai thửa đất: thửa 43^{C} diện tích 800m^2, tờ bản đồ số 1A và thửa 336 diện tích 913m^2, tờ bản đồ số 1.

Nguồn gốc đất tranh chấp 157m^2 giữa ông Phan Văn B và anh Lê Văn D, anh NLQ7, anh NLQ8 là của ông Lê Văn E.

[2] Theo ông B trình bày: diện tích đất tranh chấp do ông B chuyển nhượng của ông Lê Văn E vào ngày 30/4/1998. Hai bên có làm giấy tay thể hiện là "Tờ biên nhận". Diện tích đất hai bên thỏa thuận chuyển nhượng là 913m^2, giá trị là 6.500.000 đồng. Sau khi thỏa thuận chuyển nhượng diện tích đất nói trên bằng giấy tay, ông B và ông E có đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 16/12/1998. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Phan Văn B vào ngày 04/4/2011 thì diện tích đất tranh chấp 157m^2 đã được cấp cho hộ ông B. Ông B lý giải về việc diện tích đất mà hộ của ông được cấp quyền sử dụng đất nhiều hơn so với diện tích đất ông B chuyển nhượng của ông E là do trước đây đất được đo đạc thủ công, sau này được đo đạc bằng máy.

Riêng anh Lê Văn D, anh NLQ7, anh NLQ8 và thành viên trong gia đình của anh D trình bày: diện tích đất tranh chấp nói trên, ông E không chuyển nhượng cho ông B. Vào ngày 30/4/1998, ông E chỉ chuyển nhượng cho ông B diện tích đất 913m^2, phần diện tích đất tranh chấp là con mương nên ông E giữ lại để gia đình sử dụng. Anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 xác định: phần diện tích đất tranh chấp hiện nay vẫn còn thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn E.

[3] Tại Công văn số 34/UBND-NC ngày 08/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện L đã xác định: vào ngày 16/12/1998 ông Lê Văn E chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn B là chuyển nhượng hết thửa 366 (Thửa mới số 22, tờ bản đồ số 09) và diện tích 157m^2 là diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 của ông B. Và tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ đã thể hiện diện tích đất tranh chấp hiện nay không còn thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn E. Anh D, anh NLQ7 và anh NLQ8 kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh diện tích đất tranh chấp ông E không chuyển nhượng cho ông B. Việc anh D, anh NLQ7 và anh NLQ8 trình bày: vào ngày 30/4/1998 khi chuyển nhượng đất cho ông B, ông E vẫn còn để lại diện tích đất 157m^2 (con mương nước) cho gia đình ông E sử dụng là không có căn cứ và không phù hợp. Bởi vì, căn cứ vào giấy tay chuyển nhượng

đất là "Tờ biên nhận" đề ngày 30/4/1998 có thể hiện nội dung *".....sau khi sang nhượng ông Phan Văn B cho ông Lê Văn E lấy đất dưới mương hai năm (đến năm 2000)....."*. Nếu ông E không chuyển nhượng cả phần mương cho ông B thì tại sao ông B được quyền cho ông E lấy đất dưới mương hai năm.

Vì vậy, anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 kháng cáo yêu cầu hộ ông Phan Văn B trả lại cho các anh diện tích đất 157m^2 là không có căn cứ và không phù hợp nên không chấp nhận.

[4] Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần xem xét đến diện tích đất mà ông B chuyển nhượng của ông E.

Tại "Tờ biên nhận" đề ngày 30/4/1998 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào ngày 16/12/1998 giữa ông Lê Văn E và ông Phan Văn B, cùng lời thừa nhận của ông B tại phiên tòa thì diện tích đất chuyển nhượng là 913m^2. Nhưng diện tích đất mà ông B được cấp quyền sử dụng đất và đo đạc thực tế thì diện tích đất chênh lệch là 43,4m^2. Diện tích đất chênh lệch tuy ông B được cấp quyền sử dụng đất trong cùng thửa nhưng chưa trả giá trị lại cho ông E. Nay ông B phải tiếp tục trả giá trị đất chênh lệch lại cho ông E mới phù hợp.

Giá trị đất được tính như sau:

43,4m^2 x 75.000 đồng/m^2 = 3.255.000 đồng.

Ông Lê Văn E đã chết. Tại phiên tòa, anh D, anh NLQ7 và anh NLQ8 thống nhất: anh NLQ8 là người đại diện cho anh, em của anh NLQ8 nhận phần di sản của ông Lê Văn E. Vì vậy, ông Phan Văn B có trách nhiệm trả giá trị đất lại cho ông Lê Văn E (người đại diện theo thừa kế nhận là anh NLQ8) số tiền 3.255.000 đồng.

Hộ ông Phan Văn B được sử dụng toàn bộ diện tích đất 157m^2 tại các mốc M1, M2, M3, M4 theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông Phan Văn B và anh Lê Văn D ngày 26/9/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L.

[5] Trên diện tích đất có cây do anh NLQ7 trồng gồm có: 02 cây cồng, 02 cây xoài loại C, 02 cây vừng, 01 cây bạch đàn. Ông B thừa nhận, khi anh NLQ7 trồng cây trên đất này, ông B không tranh chấp, không có ý kiến. Nay ông B sử dụng đất nên ông B có nghĩa vụ trả giá trị cây trồng lại cho anh Mỹ. Số cây trồng được tính giá trị như sau:

02 cây cồng x 180.000 đồng/cây = 360.000 đồng.

02 cây xoài x 400.000 đồng/cây = 800.000 đồng.

01 cây vừng (10cm) x 10.000 đồng/cây = 10.000 đồng.

01 cây vừng (25cm) x 20.000 đồng/cây = 20.000 đồng.

01 cây bạch đàn x 30.000 đồng/cây = 30.000 đồng.

Tổng cộng là 1.220.000 đồng.

Hộ ông Phan Văn B có trách nhiệm trả cho anh NLQ7 giá trị cây trồng trên đất là 1.220.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Từ nhận xét trên cho thấy, anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 kháng cáo là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy vậy, xét về diện tích đất mà hai bên thỏa thuận chuyển nhượng có chênh lệch nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do sửa bản án sơ thẩm nên anh D, anh NLQ7 và anh NLQ8 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát chỉ có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 500 của Bộ luật dân sự.

Các Điều 166, 170 và 203 Luật đất đai.

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2017/DS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L.

- Chấp nhận một phần yêu cầu của hộ ông Phan Văn B.

Hộ ông Phan Văn B được sử dụng diện tích đất có tứ cận diện tích 157m^2 (M1, M2, M3, M4) như sau:

+ Ngang hướng Bắc giáp lộ đal, cạnh 23 mét.

+ Ngang hướng Nam giáp với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 09 còn lại của ông Phan Văn B, cạnh 23,06 mét.

+ Dài hướng Tây giáp đất ông Nguyễn Văn C, cạnh 6,94 mét.

+ Dài hướng Đông giáp đất ông Nguyễn Văn N, cạnh 6,61 mét.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông Phan Văn B và anh Lê Văn D ngày 26/9/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).

Hộ ông Phan Văn B có trách nhiệm đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo diện tích chênh lệch nói trên.

- Buộc hộ ông Phan Văn B có trách nhiệm trả giá trị đất lại cho ông Lê Văn E (người đại diện theo thừa kế nhận là anh NLQ8) số tiền 3.255.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc hộ ông Phan Văn B có trách nhiệm trả cho anh NLQ7 giá trị số cây trồng trên đất là 1.220.000 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người đại diện là anh NLQ8 và anh NLQ7 thì hàng tháng hộ ông B chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền sẽ được tính lãi theo mức lãi suất bằng 50% của mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng cộng là 2.634.000 đồng, ông B tự nguyện chịu. Chi phí là 2.634.000 đồng này, ông B đã tạm ứng và đã chi xong.

- Về án phí:

Hộ ông Phan Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 216.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 11286, ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, hộ ông B còn phải nộp tiếp số tiền chênh lệch là 84.000 đồng (Tám mươi bốn nghìn đồng).

Anh Lê Văn D, anh NLQ9, NLQ10 và anh NLQ8, anh NLQ7 liên đới chịu 589.0000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lê Văn D, anh NLQ7 và anh NLQ8 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 16485 ngày 28/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh
- VKSND Tỉnh;
- Tòa án ND H L;
- Chi cục THADS H L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM.HỘI ĐỒNTHẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒAG XÉT XỬ PHÚC THẨM
(Đã ký)

Phạm Thị Liên Hiệp